

Số: /2017/TT-BLĐTBXH

Hà Nội, ngày tháng năm 2017

DỰ THẢO LẦN 3

THÔNG TƯ

SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA THÔNG TƯ SỐ 21/2007/TT-BLĐTBXH NGÀY 08/10/2007 CỦA BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI HƯỚNG DẪN CHI TIẾT MỘT SỐ ĐIỀU CỦA LUẬT NGƯỜI LAO ĐỘNG VIỆT NAM ĐI LÀM VIỆC Ở NƯỚC NGOÀI THEO HỢP ĐỒNG VÀ NGHỊ ĐỊNH SỐ 126/2007/NĐ - CP NGÀY 01/8/2007 CỦA CHÍNH PHỦ QUY ĐỊNH CHI TIẾT VÀ HƯỚNG DẪN MỘT SỐ ĐIỀU CỦA LUẬT NGƯỜI LAO ĐỘNG VIỆT NAM ĐI LÀM VIỆC Ở NƯỚC NGOÀI THEO HỢP ĐỒNG

Căn cứ Luật về Người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng ngày 29 tháng 11 năm 2006;

Căn cứ Nghị định số 126/2007/NĐ-CP ngày 01 tháng 8 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng;

Căn cứ Nghị định số 106/2012/NĐ-CP ngày 20 tháng 12 năm 2012 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;

Căn cứ Nghị quyết số 48/NQ-CP ngày 09/12/2010 của Chính phủ về việc đơn giản hóa thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội;

Xét đề nghị của Cục trưởng Cục Quản lý lao động ngoài nước;

Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 21/2007/TT-BLĐTBXH ngày 08/10/2007 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn chi tiết một số điều của Luật Người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng và Nghị định số 126/2007/NĐ - CP ngày 01/8/2007 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Luật Người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 21/2007/TT-BLĐTBXH ngày 08/10/2007 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn chi tiết một số điều của Luật Người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng và Nghị định số 126/2007/NĐ - CP ngày 01/8/2007 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Luật Người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng (sau đây gọi tắt là Thông tư 21/2007/TT-BLĐTBXH).

1. Sửa đổi, bổ sung điểm c Khoản 2 Mục I như sau:

“c) Tài liệu chứng minh đủ điều kiện về vốn gồm:

i. Đối với doanh nghiệp đã được cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp trên 01 năm: Báo cáo tài chính của doanh nghiệp được tổ chức kiểm toán độc lập xác nhận tại thời điểm nộp hồ sơ đề nghị cấp giấy phép hoặc Báo cáo tài chính của doanh nghiệp được tổ chức kiểm toán độc lập

xác nhận tại thời điểm ngày 31/12 của năm trước và báo cáo tài chính của doanh nghiệp nộp cơ quan thuế tại thời điểm nộp hồ sơ đề nghị cấp giấy phép;

ii. Đối với doanh nghiệp đã được cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp dưới 01 năm: Văn bản xác nhận của tổ chức kiểm toán độc lập về mức vốn hiện có thuộc sở hữu của doanh nghiệp đó được ghi trong báo cáo tài chính của doanh nghiệp từ thời điểm thành lập đến thời điểm nộp hồ sơ đề nghị cấp giấy phép hoặc hồ sơ góp vốn thành lập doanh nghiệp gồm:

- Biên bản góp vốn của các cổ đông sáng lập (đối với công ty cổ phần); biên bản góp vốn của các thành viên sáng lập (đối với công ty trách nhiệm hữu hạn có từ hai thành viên trở lên); quyết định giao vốn của chủ sở hữu (đối với công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên mà chủ sở hữu là một tổ chức); bản đăng ký vốn đầu tư của chủ sở hữu doanh nghiệp (đối với công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên mà chủ sở hữu là cá nhân) hoặc biên bản góp vốn của thành viên hợp danh và thành viên góp vốn (đối với Công ty hợp danh);

- Chứng từ góp vốn (Phiếu thu tiền mặt hoặc giấy nộp tiền vào tài khoản của Công ty mở tại ngân hàng thương mại);

- Sổ đăng ký cổ đông (đối với công ty cổ phần) hoặc sổ đăng ký thành viên (đối với công ty trách nhiệm hữu hạn có từ hai thành viên trở lên);

- Giấy chứng nhận phần vốn góp do Công ty cấp cho cổ đông hoặc thành viên góp vốn;

- Xác nhận của ngân hàng thương mại được phép hoạt động tại Việt Nam về số dư tài khoản tại thời điểm doanh nghiệp nộp hồ sơ đề nghị cấp giấy phép (đối với vốn góp bằng tiền) và/ hoặc Chứng thư của tổ chức có chức năng định giá ở Việt Nam về kết quả định giá tài sản được đưa vào góp vốn còn hiệu lực tối thiểu 30 ngày tính từ ngày nộp hồ sơ đề nghị cấp giấy phép hoạt động dịch vụ đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài kèm tài liệu chứng minh về việc chuyển quyền sở hữu tài sản góp vốn theo quy định tại Điều 36 Luật Doanh nghiệp năm 2014 (đối với vốn góp bằng tài sản)”.

2. Sửa đổi, bổ sung Điểm d Khoản 2 Mục I như sau:

“d) Tài liệu chứng minh doanh nghiệp đã ký quỹ hoạt động dịch vụ đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài gồm:

i. Giấy xác nhận ký quỹ của Ngân hàng thương mại được phép hoạt động tại nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính.

ii. Bản sao hợp đồng ký quỹ giữa doanh nghiệp và Ngân hàng thương mại. Nội dung hợp đồng tuân thủ các quy định về ký quỹ của ngân hàng nhà nước Việt Nam.

iii. Sao kê tài khoản ký quỹ từ thời điểm phát hành giấy xác nhận nộp tiền ký quỹ đến thời điểm nộp hồ sơ đề nghị cấp giấy phép nếu giấy xác nhận nộp tiền ký quỹ được phát hành trước thời điểm nộp tiền ký quỹ từ 03 tháng trở lên”.

3. Sửa đổi, bổ sung Điểm đ Khoản 2 Mục I như sau:

“đ) Đề án hoạt động đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo quy định tại Điều 4 Nghị định 126/2007/NĐ-CP với các nội dung cụ thể sau:

i. Đặt vấn đề: Mục đích và sự cần thiết của việc lập đề án

ii. Thông tin doanh nghiệp: Thông tin cơ bản của doanh nghiệp bao gồm; Tên doanh nghiệp, tên giao dịch, loại hình doanh nghiệp, ngành nghề kinh doanh, vốn cơ cấu vốn, chủ sở hữu của

doanh nghiệp, đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp hoặc người đại diện doanh nghiệp theo ủy quyền, tình hình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp (nếu là doanh nghiệp đang hoạt động).

iii. Phương án tổ chức bộ máy hoạt động dịch vụ đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài: Trình bày bộ máy tổ chức hiện tại của doanh nghiệp; tổ chức của bộ máy đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài; chức năng, nhiệm vụ cụ thể của từng bộ phận trong bộ máy tham gia hoạt động dịch vụ đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài.

iv. Dự kiến thị trường đưa lao động đi làm việc ở nước ngoài: Trình bày những tìm hiểu của doanh nghiệp đối với thị trường lao động trong nước và thị trường lao động ngoài nước, các quy định pháp luật liên quan đến thị trường; Thị trường dự kiến đưa lao động đi làm việc ở nước ngoài sau khi được cấp giấy phép hoạt động dịch vụ đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài; hiểu biết của doanh nghiệp về thị trường dự kiến đưa đi; phân tích ưu, nhược điểm khi lựa chọn thị trường; phương pháp tiếp cận và khai thác thị trường; quy trình đưa lao động đi làm việc ở các thị trường; dự kiến số lượng, ngành nghề đưa lao động trong thời gian 03 năm kể từ khi được cấp giấy phép; địa bàn tuyển chọn lao động.

v. Phương án tuyển chọn người lao động, bồi dưỡng kiến thức cần thiết cho người lao động, quản lý người lao động đi làm việc ở nước ngoài.

- Phương án tuyển chọn lao động: Trình bày quy trình tuyển chọn người lao động đối với từng thị trường doanh nghiệp dự kiến đưa đi. Điều kiện tuyển chọn lao động từng thị trường.

- Phương án đào tạo nghề, ngoại ngữ và bồi dưỡng kiến thức cần thiết: Trình bày: cơ sở vật chất phục vụ cho việc đào tạo, bồi dưỡng kiến thức cho người lao động (địa chỉ, quy mô, năng lực đào tạo); bộ máy bồi dưỡng kiến thức cần thiết cho người lao động; quy trình đào tạo bồi dưỡng kiến thức cần thiết cho người lao động trước khi đi làm việc ở nước ngoài; nội dung kiến thức dự kiến đào tạo cho người lao động đối với các thị trường lao động đến làm việc; công tác tổ chức đào tạo nghề và ngoại ngữ cho người lao động; quy trình đào tạo nghề ngoại ngữ đối với các thị trường.

- Phương án quản lý người lao động: Trình bày phương án quản lý người lao động từ khi tuyển chọn, đào tạo, đưa đi, quản lý lao động khi làm việc ở nước ngoài và kết thúc hợp đồng về nước. Trình bày tối thiểu 03 tình huống và phương án giải quyết phát sinh đối với người lao động khi đi làm việc ở nước ngoài.

vi. Phương án tài chính: Trình bày các căn cứ sử dụng để lập phương án tài chính gồm:

- Cơ cấu vốn và việc sử dụng vốn chủ sở hữu phục vụ cho hoạt động đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài trong 03 năm kể từ thời điểm được cấp giấy phép;

- Lương và thu nhập dự kiến của người lao động khi đi làm việc ở nước ngoài

- Số lượng lao động dự kiến xuất cảnh theo năm và theo thị trường

- Dự kiến chi phí của người lao động khi đi làm việc ở nước ngoài đối với từng thị trường trong đó nêu rõ các nguồn chi phí (người lao động, môi giới, chủ sử dụng lao động, doanh nghiệp đưa đi); Tổng phí người lao động phải nộp khi xuất cảnh;

- Dự kiến doanh thu, lợi nhuận hiệu quả kinh doanh của doanh nghiệp trong 03 năm kể từ khi được cấp giấy phép (các khoản chi phí, các nghĩa vụ của doanh nghiệp đối với Nhà nước);

- Phương án lập quỹ dự phòng để hỗ trợ rủi ro cho người lao động, phương án giải quyết chi phí khi người lao động gặp rủi ro.”

4. Sửa đổi, bổ sung Điểm e Khoản 2 Mục I như sau:

“e) Tài liệu chứng minh người lãnh đạo điều hành hoạt động đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài đáp ứng đủ điều kiện, gồm:

i. Quyết định bổ nhiệm, giao nhiệm vụ điều hành hoạt động đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài;

ii. Lý lịch tư pháp của người Lãnh đạo điều hành hoạt động đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài

iii. Sơ yếu lý lịch có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền;

iv. Bản sao chứng thực bằng tốt nghiệp đại học trở lên;

v. Giấy xác nhận có ít nhất 03 năm công tác do:

- Lãnh đạo doanh nghiệp có giấy phép hoạt động dịch vụ đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài xác nhận về thời gian và công việc đã đảm nhiệm tại doanh nghiệp kèm bản sao sổ bảo hiểm hoặc quyết định bổ nhiệm hoặc hợp đồng lao động với doanh nghiệp có giấy phép đó (đối với người có kinh nghiệm trong lĩnh vực đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài) hoặc;

- Lãnh đạo doanh nghiệp hoạt động theo luật doanh nghiệp xác nhận về công việc đã đảm nhiệm tại doanh nghiệp đã làm việc kèm bản sao sổ bảo hiểm và/hoặc quyết định bổ nhiệm hoặc hợp đồng lao động trong đó thể hiện người lãnh đạo điều hành doanh nghiệp nộp hồ sơ xin cấp giấy phép đã làm việc trong lĩnh vực hợp tác quốc tế và quan hệ quốc tế.”

5. Sửa đổi, bổ sung Điểm g Khoản 2 Mục I Thông tư 21/2007/TT-BLĐTBXH như sau:

“g) Bộ máy đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài của doanh nghiệp dịch vụ (chưa bao gồm cán bộ tại các chi nhánh) phải có ít nhất 09 (chín) cán bộ chuyên trách về thị trường, quản lý lao động, bồi dưỡng kiến thức cần thiết, tài chính và có đủ những điều kiện sau đây:

i. Có trình độ chuyên môn từ cao đẳng trở lên;

ii. Không trong thời gian bị truy cứu trách nhiệm hình sự, chấp hành bản án hình sự của toà án, đang bị áp dụng biện pháp giáo dục tại xã phường, thị trấn.

iii. Đối với cán bộ chuyên trách về thị trường:

- Tốt nghiệp các trường Đại học, Cao đẳng chuyên ngành kinh tế, luật hoặc ngoại ngữ;

- Có trình độ ngoại ngữ phù hợp với từng thị trường mà doanh nghiệp dự kiến đưa người lao động đến làm việc;

- Có ít nhất 01 năm kinh nghiệm hoạt động trong lĩnh vực đưa người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài hoặc hoạt động trong lĩnh vực hợp tác quốc tế và quan hệ quốc tế.

iv. Đối với cán bộ chuyên trách về quản lý lao động:

- Tốt nghiệp các trường Đại học, Cao đẳng chuyên ngành luật, quản trị nhân lực hoặc ngoại ngữ;

- Có trình độ ngoại ngữ phù hợp với từng thị trường mà doanh nghiệp dự kiến đưa người lao động đến làm việc;

- Có ít nhất 01 năm kinh nghiệm hoạt động trong lĩnh vực đưa người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài hoặc hoạt động trong lĩnh vực hợp tác quốc tế và quan hệ quốc tế.

v. Đối với cán bộ nghiệp vụ bồi dưỡng kiến thức cần thiết: Có ít nhất 01 năm kinh nghiệm hoạt động trong lĩnh vực đưa người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài.

vi. Đối với Cán bộ nghiệp vụ tài chính: Tốt nghiệp Đại học, Cao đẳng chuyên ngành tài chính, kế toán, ngân hàng.

viii. Tài liệu chứng minh cán bộ nghiệp vụ đáp ứng đủ điều kiện gồm:

- Bản sao có chứng thực bằng tốt nghiệp cao đẳng trở lên;

- Sơ yếu lý lịch có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền;

- Lý lịch tư pháp;

- Chứng chỉ ngoại ngữ do các cơ quan có thẩm quyền cấp phù hợp với từng thị trường mà doanh nghiệp dự kiến đưa người lao động đến làm việc;

- Giấy xác nhận có ít nhất 01 năm công tác của doanh nghiệp hoạt động dịch vụ đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài kèm theo sổ bảo hiểm và quyết định bổ nhiệm hoặc hợp đồng lao động hoặc (đối với cán bộ chuyên trách về thị trường, quản lý lao động và bồi dưỡng kiến thức cần thiết cho người lao động).”

6. Sửa đổi, bổ sung Điểm h Khoản 2 Mục I như sau:

“h) Danh sách trích ngang cán bộ chuyên trách trong bộ máy hoạt động đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài (mẫu theo Phụ lục 01)

7. Bổ sung Điểm k Khoản 2 Mục I như sau:

“k) Tài liệu chứng minh cơ sở đào tạo bồi dưỡng kiến thức cần thiết cho người lao động đáp ứng chỗ ở nội trú và phòng học cho tối thiểu 50/100 lao động (tối thiểu diện tích ở là 3,5m²/ học viên và diện tích học là 3 m²/ học viên) gồm:

i. Bản sao chứng thực giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với cơ sở sử dụng để đào tạo bồi dưỡng kiến thức cần thiết cho người lao động kèm theo bản vẽ mặt bằng diện tích ở và học sử dụng cho đào tạo và bồi dưỡng kiến thức cho người lao động; hoặc

ii. Bản sao chứng thực hợp đồng thuê cơ sở đào tạo để thực hiện bồi dưỡng kiến thức cần thiết cho người lao động giữa doanh nghiệp và bên cho thuê kèm theo bản vẽ mặt bằng diện tích ở và học sử dụng cho đào tạo và bồi dưỡng kiến thức cho người lao động.

8. Sửa đổi, bổ sung Điểm d Khoản 3 Mục I như sau:

“d) Báo cáo tài chính của doanh nghiệp được tổ chức kiểm toán độc lập xác nhận tại thời điểm nộp hồ sơ đề nghị cấp đổi giấy phép hoặc Báo cáo tài chính của doanh nghiệp được tổ chức kiểm toán độc lập xác nhận tại thời điểm ngày 31/12 của năm trước và báo cáo tài chính của doanh nghiệp nộp cơ quan thuế tại thời điểm nộp hồ sơ đề nghị cấp đổi giấy phép (nếu doanh nghiệp tăng hoặc giảm vốn điều lệ).”

9. Sửa đổi, bổ sung Điểm đ Khoản 3 Mục I như sau:

“đ) Giấy tờ chứng minh người lãnh đạo điều hành hoạt động đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài đáp ứng đủ điều kiện: Như quy định tại Khoản 4 Điều 1 Thông tư này (nếu doanh

nghiệp thay đổi người lãnh đạo điều hành hoạt động đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài).”

10. Sửa đổi, bổ sung Điểm e Khoản 3 Mục I như sau:

“e) Báo cáo về tổ chức bộ máy hoạt động đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài và bộ máy bồi dưỡng kiến thức cần thiết cho người lao động đi làm việc ở nước ngoài (nếu doanh nghiệp thay đổi tổ chức bộ máy) kèm theo các quyết định thành lập, giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của các đơn vị được doanh nghiệp giao nhiệm vụ hoạt động đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo quy định của Luật doanh nghiệp”

11. Sửa đổi, bổ sung Điểm g Khoản 3 Mục I như sau:

“g) Danh sách trích ngang cán bộ chuyên trách trong bộ máy hoạt động đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài kèm các tài liệu chứng minh như quy định tại Khoản 6 Điều 1 Thông tư này (nếu doanh nghiệp thay đổi cán bộ chuyên trách)”

12. Sửa đổi Điểm h Khoản 3 Mục I Thông tư 21/2007/TT-BLĐTBXH như sau:

“h) Sao kê của ngân hàng thương mại đối với tài khoản ký quỹ của doanh nghiệp kể từ thời điểm doanh nghiệp được cấp giấy xác nhận ký quỹ đến thời điểm nộp hồ sơ đề nghị đổi giấy phép.”

13. Bổ sung Khoản 8 Mục I Thông tư 21/2007/TT-BLĐTBXH như sau:

“8. Báo cáo việc tổ chức bộ máy sau khi doanh nghiệp được cấp giấy phép:

1. Trong vòng 30 ngày kể từ ngày được Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội cấp giấy phép hoạt động dịch vụ đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài, doanh nghiệp dịch vụ thông báo tới Bộ Lao động Thương binh và Xã hội về việc triển khai tổ chức bộ máy hoạt động dịch vụ đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài (danh sách các cán bộ chuyên trách nếu có thay đổi so với thời điểm làm hồ sơ đề nghị cấp giấy phép và các tài liệu chứng minh cán bộ chuyên trách đủ điều kiện như quy định tại Khoản 6 Điều 1 Thông tư này).

2. Trong vòng 90 ngày kể từ ngày được Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội cấp giấy phép hoạt động dịch vụ đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài, doanh nghiệp dịch vụ thông báo tới Bộ Lao động Thương binh và Xã hội về việc triển khai tổ chức bồi dưỡng kiến thức cần thiết đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài (danh sách cán bộ chuyên trách bồi dưỡng kiến thức cần thiết và cơ sở tổ chức đào tạo, bồi dưỡng kiến thức cần thiết cho người lao động nếu có thay đổi so với thời điểm làm hồ sơ đề nghị cấp giấy phép và các tài liệu chứng minh cán bộ và cơ sở tổ chức đào tạo, bồi dưỡng kiến thức cần thiết cho người lao động đủ điều kiện như quy định tại Khoản 6, Khoản 7 Điều 1 Thông tư này.”

Điều 2. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày.... tháng..... năm 2017.

2. Bãi bỏ Điều 6 quy định ban hành kèm theo Quyết định số 19/2007/QĐ-LĐTBXH ngày 18/7/2007 của Bộ trưởng Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội và Khoản 2 Điểm 1 Mục IV Chương trình bồi dưỡng kiến thức cần thiết cho người lao động đi làm việc ở nước ngoài ban hành kèm theo Quyết định số 18/2007/QĐ-LĐTBXH ngày 18/7/2007 của Bộ trưởng Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội

Điều 3. Trách nhiệm thi hành

1. Các doanh nghiệp đã nộp hồ sơ đề nghị cấp, đổi giấy phép hoạt động dịch vụ đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài trước ngày Thông tư này có hiệu lực có trách nhiệm hoàn thiện hồ sơ theo hướng dẫn của Thông tư này.

2. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc đề nghị phản ánh kịp thời về Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội để nghiên cứu, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Văn phòng TW và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Chính phủ;
- Website Chính phủ;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Cục Kiểm tra văn bản - Bộ Tư pháp;
- Các đơn vị thuộc và trực thuộc Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Công báo;
- Lưu: VT, QLLĐNN (350b).

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Doãn Mậu Diệp